

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG

====c0o====

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

=====o0o=====



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ IV NĂM 2012

HÀ NỘI: 02 -2013

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>118,450,515,403</b>	<b>106,309,958,064</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>3</b>	<b>36,797,677,198</b>	<b>18,128,715,610</b>
1. Tiền	111		643,956,277	382,215,363
2. Các khoản tương đương tiền	112		36,153,720,921	17,746,500,247
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>17,368,428,100</b>	<b>22,643,015,591</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	4	20,110,622,000	25,616,741,991
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	5	(2,742,193,900)	(2,973,726,400)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>47,869,337,236</b>	<b>19,880,817,641</b>
1. Phải thu khách hàng	131		214,439,120	214,439,120
2. Trả trước cho người bán	132		7,967,148,161	11,047,579,099
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	6	39,687,749,955	8,618,799,422
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139			
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>493,607,300</b>	<b>223,113,627</b>
1. Hàng tồn kho	141		493,607,300	223,113,627
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>15,921,465,569</b>	<b>45,434,295,595</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	7	176,943,714	136,887,237
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	15	3,040,864,755	2,103,859,304
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	8	12,703,657,100	43,193,549,054
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>280,439,890,753</b>	<b>296,385,624,222</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>193,715,079,471</b>	<b>177,266,409,845</b>
<b>1. Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>221</b>	<b>9</b>	<b>968,381,050</b>	<b>1,153,101,509</b>
- Nguyên giá	222		1,651,035,833	1,651,035,833
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(682,654,783)	(497,934,324)
<b>2. Tài sản cố định thuê tài chính</b>	<b>224</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
<b>3. Tài sản cố định vô hình</b>	<b>227</b>	<b>10</b>	<b>-</b>	<b>1,580,648</b>
- Nguyên giá	228		64,888,000	64,888,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(64,888,000)	(63,307,352)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	192,746,698,421	176,111,727,688
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>86,724,811,282</b>	<b>119,119,214,377</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	12	37,693,071,282	33,571,397,377
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	13	7,667,400,000	7,667,400,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	14	45,931,900,000	82,918,167,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(4,567,560,000)	(5,037,750,000)
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>398,890,406,156</b>	<b>402,695,582,286</b>



NGUỒN VỐN	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>167,011,225,542</b>	<b>150,291,290,030</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>158,216,351,706</b>	<b>142,164,594,446</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312		52,114,197,566	53,073,345,629
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	15	418,141,171	96,507,732
5. Phải trả người lao động	315		163,479,130	214,069,550
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		105,343,030,639	88,212,576,192
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		177,503,200	568,095,343
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>8,794,873,836</b>	<b>8,126,695,584</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		8,794,873,836	8,126,695,584
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B-VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>231,879,180,614</b>	<b>252,404,292,256</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	16	<b>231,879,180,614</b>	<b>252,404,292,256</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		264,000,000,000	264,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		48,496,600,000	48,496,600,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1,268,874,614	1,268,874,614
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		24,751,612	24,751,612
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(81,911,045,612)	(61,385,933,970)
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>398,890,406,156</b>	<b>402,695,582,286</b>
<b>CÁC CHI TIÊU NGOÀI BẢNG</b>				
1. Tài sản thuê ngoài	01		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	02		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	03		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	04		-	-
5. Ngoại tệ các loại	05		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	06		-	-

Hà nội, ngày 18 tháng 02 năm 2013

Kế toán trưởng



Đào Xuân Đức





Công ty cổ phần đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương  
 Địa chỉ: 14 Lê Đại Hành - Hai Bà Trưng - Hà Nội  
 Tel: 04. 35771983. Fax: 04. 35771985

## BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2012

Báo cáo tài chính  
 Quý 4 năm tài chính 2012

Chi tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý 4/2012	Quý 4/2011	Lũy kế hết quý 4/2012	Lũy kế hết quý 4/2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	-	-	-	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	-	-	-	-
<b>3. Doanh thu thuần về BH và CCDV (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		-	-	-	-
4. Giá vốn hàng bán	11	19	-	-	-	-
<b>5. Lợi nhuận gộp về BH và CCDV (20=10-11)</b>	<b>20</b>		-	-	-	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	1,596,340,624	8,274,769,322	7,616,419,827	14,405,411,005
- Trong đó: Chi phí lãi vay	22	21	202,793,135	(1,536,657,470)	(24,424,034,058)	(2,706,592,270)
8. Chi phí bán hàng	23		(1,599,165)	-	(4,099,165)	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24		-	-	-	-
<b>10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD {30=20+(21-22) - (24+25)}</b>	<b>30</b>	<b>22</b>	(642,813,240)	(1,906,568,213)	(4,351,441,851)	(6,021,798,538)
11. Thu nhập khác	31	23	1,156,320,519	4,831,543,639	(21,159,056,082)	5,677,020,197
12. Chi phí khác	32	24	-	227,958,313	636,944,441	424,459,293
<b>13. Lợi nhuận khác(40=31-32)</b>	<b>40</b>		-	(526,563,636)	(3,000,001)	(533,806,519)
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)</b>	<b>50</b>		-	(298,605,323)	633,944,440	(109,347,226)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	15	1,156,320,519	4,532,938,316	(20,525,111,642)	5,567,672,971
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		-	-	-	-
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70	25	1,156,320,519	4,532,938,316	(20,525,111,642)	5,567,672,971
			44	171	(777)	211

Kế toán trưởng



Đào Xuân Đức

Hà Nội, ngày 18 tháng 02 năm 2013



Nguyễn Duy Khanh



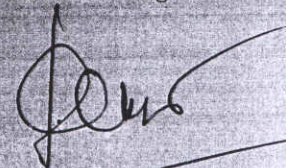
## LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Quý 4/2012

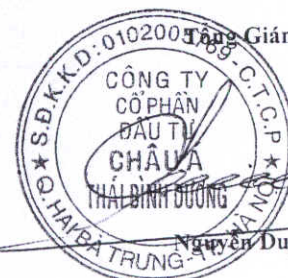
Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2011
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(20,525,111,642)	5,567,672,971
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao TSCĐ	02	186,301,107	183,303,788
- Các khoản dự phòng	03	(701,722,500)	1,940,833,400
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	-	(13,639,652,135)
- Chi phí lãi vay	06	(4,099,165)	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>(21,044,632,200)</b>	<b>(5,947,841,976)</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	163,520,708	(20,492,553,344)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(270,493,673)	(223,113,627)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay, thuế TNDN phải nộp)	11	17,110,527,655	131,144,286,139
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(40,056,477)	(136,887,237)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(4,099,165)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	(318,125,943)	12,210,300,000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	(2,141,700,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(4,403,359,095)</b>	<b>114,412,489,955</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(16,634,970,733)	(152,829,859,232)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	6,834,499,991	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(99,792,270,861)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	26,852,743,514	76,707,917,384
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6,020,047,911	14,405,411,005
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>23,072,320,683</b>	<b>(161,508,801,704)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền thu từ cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	-
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>18,668,961,588</b>	<b>(47,096,311,749)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	18,128,715,610	65,225,027,359
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>36,797,677,198</b>	<b>18,128,715,610</b>

Hà nội, ngày 18 tháng 02 năm 2013

Kế toán trưởng



Đào Xuân Đức



Nguyễn Duy Khanh



# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2012

## I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Tư vấn, đầu tư
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Đầu tư, kinh doanh bất động sản, đầu tư tài chính.
4. **Nhân viên**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 Công ty có 30 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 40 nhân viên).

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**  
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**  
Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

#### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

##### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

##### 2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

##### 3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng bất động sản.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

##### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

##### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	4
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 - 4

#### 6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính.

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

#### 7. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

#### 8. Chi phí trả trước dài hạn

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

##### *Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

#### 9. Nguồn vốn kinh doanh

##### *Vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### 10. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

#### 11. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

#### 12. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập

##### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

##### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

#### 13. Tài sản tài chính

##### *Phân loại tài sản tài chính*

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

##### *Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

##### *Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

##### *Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

### *Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### **14. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

### *Nợ phải trả tài chính*

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

*Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

*Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

*Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính*

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

### *Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty, sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

---

#### 15. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

#### 16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
 (tiếp theo)

<b>1 Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
<b>Nội dung</b>			
Tiền mặt tại quỹ		272,130,635	204,359,949
Tiền gửi ngân hàng		371,825,642	177,855,414
Các khoản tương đương tiền - Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng		36,153,720,921	17,746,500,247
		<b>36,797,677,198</b>	<b>18,128,715,610</b>
<b>2 Đầu tư ngắn hạn</b>		<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
<b>Nội dung</b>			
Cổ phiếu Công ty Cổ phần thép Đình Vũ		4,533,025,000	4,533,025,000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần APECS		2,987,200,000	2,987,200,000
Cổ phiếu Công ty CP TMDV&XNK Hải Phòng		1,130,000,000	1,130,000,000
Cổ phiếu Tety CP ĐT&XNK Foodinco		701,190,000	701,190,000
Cổ phiếu Công ty CP Len Hà Đông			
Cổ phiếu TCTy CP Đầu tư Phát triển Xây dựng (DIG)		323,900,000	323,900,000
Các cổ phiếu khác		419,857,000	91,427,000
Cổ phiếu Công ty CP Len Hà Đông		999,950,000	
Cho vay Công ty Cổ phần APECS			7,499,999,991
Cho vay ông Trịnh Quang Thuân		8,865,500,000	8,000,000,000
Ủy thác ĐT Công ty Cổ phần APECS		150,000,000	150,000,000
Đầu tư ngắn hạn khác			200,000,000
<b>Tổng cộng</b>		<b>20,110,622,000</b>	<b>25,616,741,991</b>
<b>3 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn</b>		<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
<b>Nội dung</b>			
Số dư tại đầu kỳ		2,973,726,400	2,973,726,400
Tăng dự phòng trong kỳ		-	-
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ		(231,532,500)	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>		<b>2,742,193,900</b>	<b>2,973,726,400</b>
<b>4 Các khoản phải thu khác</b>		<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
<b>Nội dung</b>			
Lãi phải thu		678,500,000	678,500,000
Tạm ứng tiền thực hiện dự án đầu tư		6,036,488,366	6,036,488,366
Phải thu khác		32,972,761,589	1,903,811,056
<b>Số dư cuối kỳ</b>		<b>39,687,749,955</b>	<b>8,618,799,422</b>

<b>5 <u>Trả trước người bán</u></b>					
<b>Nội dung</b>				<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
Ban GPMB TP Thái Nguyên				1,573,793,008	1,573,793,008
Công ty CP Kiến trúc QT				900,000,000	900,000,000
Cty SENA				686,000,000	686,000,000
Công ty Thành Nam				390,000,000	390,000,000
VP đăng ký quyền sử dụng đất				510,000,000	510,000,000
Cty tư vấn ĐTTM Thái Nguyên				415,000,000	415,000,000
Cty KD nhà TT Huế				398,800,000	398,800,000
Công ty Văn Phú				149,875,511	2,300,000,000
các đối tượng khác				2,943,679,642	3,903,986,091
<b>Số dư cuối kỳ</b>				<b>7,967,148,161</b>	<b>11,077,579,099</b>
<b>6 <u>Chi phí trả trước ngắn hạn</u></b>					
<b>Nội dung</b>		<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>Tăng</b>	<b>Phân bổ</b>	<b>Số dư cuối kỳ</b>
Chi phí đi thuê VP		136,887,237	40,056,477		176,943,714
<b>Số dư cuối kỳ</b>		<b>136,887,237</b>	<b>40,056,477</b>	<b>-</b>	<b>176,943,714</b>
<b>7 <u>Tài sản ngắn hạn khác</u></b>					
<b>Nội dung</b>				<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
Tạm ứng				11,593,657,100	42,011,082,854
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn				1,110,000,000	1,182,466,200
<b>Số dư cuối kỳ</b>				<b>12,703,657,100</b>	<b>43,193,549,054</b>
<b>8 <u>Tài sản cố định hữu hình</u></b>					
<b>Nội dung</b>		<b>Máy móc thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải</b>	<b>Thiết bị, dụng cụ</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm		12,000,000	1,537,360,605	101,675,228	1,651,035,833
Tăng trong kỳ					-
Trong đó:					-
Mua mới					-
Giảm trong năm					-
<b>Số dư cuối kỳ</b>		<b>12,000,000</b>	<b>1,537,360,605</b>	<b>101,675,228</b>	<b>1,651,035,833</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số dư đầu kỳ		3,638,095	456,886,385	37,409,844	497,934,324
Khấu hao trong kỳ		3,000,000	153,736,060	27,984,399	184,720,459
Giảm trong kỳ					
<b>Số dư cuối kỳ</b>		<b>6,638,095</b>	<b>610,622,445</b>	<b>65,394,243</b>	<b>682,654,783</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm		8,361,905	1,080,474,220	64,265,384	1,153,101,509
<b>Số dư cuối kỳ</b>		<b>5,361,905</b>	<b>926,738,160</b>	<b>36,280,985</b>	<b>968,381,050</b>



9 <u>Tài sản cố định vô hình</u>		Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>Nội dung</b>			
Nguyên giá			
Số dư đầu năm		64,888,000	64,888,000
Tăng trong kỳ			-
Trong đó:			-
Mua mới			-
Giảm trong năm			-
<b>Số dư cuối kỳ</b>		<b>64,888,000</b>	<b>64,888,000</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số dư đầu năm			
Khấu hao trong kỳ		63,307,352	63,307,352
Giảm trong kỳ		1,580,648	1,580,648
<b>Số dư cuối kỳ</b>		<b>64,888,000</b>	<b>64,888,000</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm			
<b>Số dư cuối kỳ</b>		<b>1,580,648</b>	<b>1,580,648</b>
		-	-

10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Nội dung	Số đầu kỳ	Chi phí phát sinh	Kết chuyển giá trị	Số dư cuối kỳ
KCN vừa và nhỏ Đa Hội - Bắc Ninh	129,469,926,132	2,348,843,459		131,818,769,591
Khu Trung tâm TM Bắc Ninh	663,939,423	146,876,048		810,815,471
Các dự án khác	7,006,671,763	8,507,855,758		15,514,527,521
Dự án Quản lý chợ Tam Đa	5,346,001,091	41,272,251		5,387,273,342
KĐT Số 5 Túc Duyên	204,790,455	28,742,000		233,532,455
Trung tâm TM Thái Nguyên	32,656,961,682	5,561,381,217		38,218,342,899
KCN Diêm Thụy	763,437,142			763,437,142
<b>Tổng Cộng</b>	<b>176,111,727,688</b>	<b>16,634,970,733</b>	-	<b>192,746,698,421</b>

11 Đầu tư vào công ty con

Nội dung	Tỷ lệ Sở hữu	Giá trị đầu tư	
		31/12/2012	01/01/2012
Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Thái Nguyên	84%	28,577,360,062	25,734,385,157
Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Land Huế	55%	3,206,364,000	2,000,000,000
Công ty TNHH 1 TV Châu Á TBD Bắc Ninh	100%	5,908,347,220	5,837,012,220
Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Hà Nam	100%	1,000,000	
<b>Tổng cộng</b>		<b>37,693,071,282</b>	<b>33,571,397,377</b>

12 Đầu tư vào Công ty Liên doanh, Liên kết

Nội dung	Tỷ lệ Sở hữu	Giá trị đầu tư	
		31/12/2012	01/01/2012
Công ty CP Khoáng sản Châu Á _ TBD	49%	7,092,400,000	7,092,400,000
Ban quản lý Trường ĐH Tư thục ĐNA	23%	575,000,000	575,000,000
<b>Tổng cộng</b>		<b>7,667,400,000</b>	<b>7,667,400,000</b>

13	<u>Đầu tư dài hạn khác</u>	Nội dung	Ghi chú	31/12/2012	01/01/2012	
		Cổ phiếu Cty CP Inlaco Sài Gòn			36,986,267,000	
		Cổ phiếu Cty CP Đầu tư Bất động sản Hà Nội (CLAND)		40,334,400,000	40,334,400,000	
		Cổ phiếu Cty CP Nam Dược		5,597,500,000	5,597,500,000	
		<b>Tổng cộng</b>		<b>45,931,900,000</b>	<b>82,918,167,000</b>	
14	<u>Phải trả người bán</u>	Nội dung		31/12/2012	01/01/2012	
		Ban GPMB Từ sơn		51,941,525,595	51,941,525,595	
		Tổng Cty nước và MTĐT			1,001,118,350	
		Các đối tượng khác		172,671,971	130,701,684	
		<b>Số dư cuối kỳ</b>		<b>52,114,197,566</b>	<b>53,073,345,629</b>	
15	<u>Các khoản phải trả phải nộp khác</u>	Nội dung		31/12/2012	01/01/2012	
		Nhận tiền góp vốn Khu Đa Hội		73,310,309,180	73,310,309,180	
		Nhận đặt cọc An Phát land		18,867,691,500	12,761,691,500	
		Nhận đặt cọc khu VP và các đối tượng khác		13,165,029,959	2,140,575,512	
		<b>Số dư cuối kỳ</b>		<b>105,343,030,639</b>	<b>88,212,576,192</b>	
16	<u>Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước</u>	Nội dung	Số dư đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số dư cuối kỳ
		<b>a. Thuế GTGT được khấu trừ</b>				
		Thuế GTGT đầu vào	2,103,859,304	936,304,706		3,040,164,010
		<b>Tổng cộng</b>	<b>2,103,859,304</b>	<b>936,304,706</b>	<b>-</b>	<b>3,040,164,010</b>
		<b>b. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</b>				
		Thuế GTGT	-	56,652,191	-	56,652,191
		Thuế TNDN	-			-
		Thuế TNCN	96,507,732	264,981,248		361,488,980
		Các loại thuế khác				-
		<b>Tổng cộng:</b>	<b>96,507,732</b>	<b>321,633,439</b>	<b>-</b>	<b>418,141,171</b>
17	<u>Thuế Giá trị gia tăng</u>	Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật hiện hành				
18	<u>Thuế thu nhập doanh nghiệp</u>	Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 25% trên lợi nhuận chịu thuế				
19	<u>Tình hình biến động vốn cổ phần trong năm như sau:</u>	Nội dung	Quý IV/2012	Năm 2011		
		Vốn đầu năm	264,000,000,000	264,000,000,000		
		Vốn cổ phần tăng trong năm	-	-		
		<b>Vốn cổ phần cuối năm</b>	<b>264,000,000,000</b>	<b>264,000,000,000</b>		
		Cổ tức lợi nhuận đã chia	-	-		



20	<b>Cổ phiếu</b>		
	<b>Nội dung</b>	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50,000,000	50,000,000
	Số lượng cổ phiếu đã phát hành	26,400,000	26,400,000
	<i>Cổ phiếu thường</i>	26,400,000	26,400,000
	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	26,400,000	26,400,000
	<i>Cổ phiếu thường</i>	26,400,000	26,400,000
	Mệnh giá cổ phiếu:	10.000 đồng/cổ phiếu	
	Toàn bộ số cổ phiếu của Công ty hiện nay đang được giao dịch trên sàn HNX		
21	<b>Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
	<b>Nội dung</b>	<u>Quý IV/2012</u>	<u>Lũy kế đến quý IV</u>
	Lãi từ hợp đồng UTĐT	865,500,000	3,486,153,160
	Lãi tiền gửi, tiền cho vay	730,840,624	2,857,286,667
	Cổ tức, lợi nhuận được chia		1,272,980,000
	Lãi đầu tư góp vốn bất động sản	-	-
	<b>Tổng cộng:</b>	<u><b>1,596,340,624</b></u>	<u><b>7,616,419,827</b></u>
22	<b>Chi phí tài chính</b>		
	<b>Nội dung</b>	<u>Quý IV/2012</u>	<u>Lũy kế đến quý IV</u>
	Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	-	-
	Lỗ đầu tư chứng khoán		25,121,612,000
	Hoàn nhập dự phòng	(204,392,300)	(446,951,254)
	Lỗ đầu tư liên doanh		
	Chi phí tài chính khác	1,599,165	4,099,165
	<b>Tổng cộng:</b>	<u><b>(202,793,135)</b></u>	<u><b>25,616,442,200</b></u>
23	<b>Thu nhập khác</b>		
	<b>Nội dung</b>	<u>Quý IV/2012</u>	<u>Lũy kế đến quý IV</u>
	Chênh lệch đánh giá lại Tài sản		
	Thu nhập khác		636,944,441
	<b>Tổng cộng:</b>		<u><b>636,944,441</b></u>
24	<b>Chi phí khác</b>		
	<b>Nội dung</b>	<u>Quý IV/2012</u>	<u>Lũy kế đến quý IV</u>
	Nộp phạt thuế		
	Thanh lý tài sản cố định		
	Chi phí khác		3,000,001
	<b>Tổng cộng:</b>	<u>-</u>	<u><b>3,000,001</b></u>